

Preliminary 2025 Vietnam Hippo 4 Results

No	Cand no	Name & Surname	Reading	Use	TOTAL
1	13043184	LE VU MINH	33	30	63
2	13043224	PHAM VU HA VI	33	30	63
3	13043144	NGUYEN GIA KHANH	34	28,5	62,5
4	13043165	NGUYEN ANH DUONG	34	28,5	62,5
5	13043168	NGUYEN VU CHAU HA	34	28,5	62,5
6	13043206	NGUYEN HA PHUONG	34	28,5	62,5
7	13043205	NGUYEN TRONG GIA PHUC	32	30	62
8	13043189	VU DANG MINH	34	27	61
9	13043191	DONG NHAT NAM	34	27	61
10	13043201	PHAN LE NGUYEN	34	27	61
11	13043183	LE HUU DUC GIA MINH	32	28,5	60,5
12	13043236	HOANG PHUC KHANG	32	28,5	60,5
13	13043226	THAI BANG ANH	33	27	60
14	13043179	NGUYEN BAO LAM	31	28,5	59,5
15	13043237	BUI NGUYEN DANG KHOI	31	28,5	59,5
16	13043231	TRAN QUOC HOAN	32	27	59
17	13043151	PHUNG NGUYEN THAI AN	33	25,5	58,5
18	13043160	HO THANH DAT	30	28,5	58,5
19	13043199	NGO VI NGUYEN	33	25,5	58,5
20	13043209	TRAN NGOC NGUYEN THAO	33	25,5	58,5
21	13043235	DINH GIA HUY	31	27	58
22	13043145	DO AN PHU	33	24	57
23	13043223	BUI MY VAN	33	24	57
24	13043239	TRAN DAN LE	33	24	57
25	13043225	PHAM DUY ANH	32	24	56
26	13043233	PHAM QUANG HUNG	32	24	56
27	13043142	HOANG NAM ANH	33	22,5	55,5
28	13043147	PHAM NGOC THE BAO	33	22,5	55,5
29	13043148	DAM THIEN PHONG	33	22,5	55,5
30	13043241	DANG HOANG BAO NGAN	33	22,5	55,5
31	13043152	HOANG DUC ANH	32	22,5	54,5
32	13043162	LE TUAN DUNG	32	22,5	54,5
33	13043181	VO THUY LAM	30	24	54
34	13043213	TRUONG VIET THU	33	21	54
35	13043219	TRAN THANH TRUC	30	24	54
36	13043203	DAO NGOC BAO NHU	28	25,5	53,5
37	13043143	LE TRI KIET	34	18	52
38	13043153	NGUYEN THU NGUYET ANH	34	18	52
39	13043177	NGUYEN LE HUY KHOI	31	21	52
40	13043188	PHAN TUAN MINH	31	21	52
41	13043221	DINH THI NGOC TUYET	28	24	52
42	13043149	NGUYEN THUAN PHONG	32	19,5	51,5
43	13043158	HO HOANG HAI DANG	32	19,5	51,5
44	13043174	NGUYEN QUANG KHAI	32	19,5	51,5

No	Cand no	Name & Surname	Reading	Use	TOTAL
45	13043178	NGUYEN PHUOC DANG KHOI	32	19,5	51,5
46	13043208	NGUYEN BOI SAN	27	24	51
47	13043218	PHAM YEN TRINH	30	21	51
48	13043186	NGUYEN QUANG MINH	29	21	50
49	13043171	DO HUY HOANG	30	19,5	49,5
50	13043215	LE MINH TRIET	31	18	49
51	13043227	NGUYEN HOANG BAO CHAU	31	18	49
52	13043230	NGUYEN NGOC GIA HAN	31	18	49
53	13043163	NGUYEN TIEN DUNG	32	16,5	48,5
54	13043204	VU PHONG	32	16,5	48,5
55	13043155	NGUYEN NGOC BAO CHAU	30	18	48
56	13043161	LE MINH DUNG	33	15	48
57	13043185	NGUYEN KHOI MINH	30	18	48
58	13043202	CAO PHUONG NHI	30	18	48
59	13043222	LE DUONG TRUC UYEN	21	27	48
60	13043238	NGUYEN DOAN KHUONG	27	21	48
61	13043243	NGUYEN THANH ANH THU	27	21	48
62	13043146	HA NGUYEN MINH TRANG	32	15	47
63	13043175	NGUYEN GIA KHANH	32	15	47
64	13043159	DUONG LE THANH DAT	30	16,5	46,5
65	13043228	NGUYEN TIEN DUNG	27	19,5	46,5
66	13043172	LE MINH HOANG	25	21	46
67	13043180	NGUYEN NGOC TRUC LAM	28	18	46
68	13043212	TRAN PHAM MINH THU	31	15	46
69	13043197	NGUYEN HOAI BAO NGOC	32	13,5	45,5
70	13043207	NGUYEN NGOC NAM PHUONG	28	16,5	44,5
71	13043242	DANG THI NHAT QUYNH	28	16,5	44,5
72	13043154	TRAN NGOC MINH ANH	29	15	44
73	13043182	DAO NGOC LINH	29	15	44
74	13043192	NGUYEN TO NGA	29	15	44
75	13043217	LUONG THI KIEU TRINH	29	15	44
76	13043194	DANG BAO NGOC	28	15	43
77	13043210	VO NGUYEN THAO	28	15	43
78	13043193	BUI TRAN TRI NGHIA	17	25,5	42,5
79	13043216	TRAN MINH TRIET	27	15	42
80	13043229	DO TRAN BAO DUY	24	18	42
81	13043245	NGUYEN HAI YEN	28	12	40
82	13043190	DINH HUYNH AI MY	26	13,5	39,5
83	13043220	NGUYEN HUY TUONG	26	13,5	39,5
84	13043164	VU TUAN DUNG	23	15	38
85	13043150	NGUYEN HUU TRUONG AN	24	13,5	37,5
86	13043167	NGUYEN HAI HA	21	16,5	37,5
87	13043173	PHAM HUY HOANG	24	13,5	37,5
88	13043198	PHAM NGUYEN BAO NGOC	27	10,5	37,5

No	Cand no	Name & Surname	Reading	Use	TOTAL
89	13043196	LE MINH NGOC	25	12	37
90	13043211	DOAN ANH THU	23	13,5	36,5
91	13043240	UNG PHUONG LINH	23	13,5	36,5
92	13043169	PHAM THI DIEM HANG	21	15	36
93	13043200	NGUYEN HO CAT NGUYEN	27	9	36
94	13043187	PHAN QUOC MINH	22	12	34
95	13043234	VU DUY HUNG	25	9	34
96	13043166	HO SY DUY	27	6	33
97	13043232	NGUYEN QUANG HUNG	18	15	33
98	13043170	TRAN THAI HIEN	22	10,5	32,5
99	13043246	NGUYEN THI NGOC YEN	11	16,5	27,5
100	13043157	LE THI KIM CHUC	16	10,5	26,5
101	13043176	NGUYEN DANG KHOI	14	10,5	24,5
102	13043244	PHAM ANH THU	13	7,5	20,5